

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/DS-PT

Ngày 05-4-2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản, hợp đồng góp hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Tiên.

Các thẩm phán:

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu;

Bà Nguyễn Thị Thúy Phương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:* Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 279/2018/TLPT–DS ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; hợp đồng góp hội”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 54/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 76/2019/QĐPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; Địa chỉ: ấp Th, xã Th, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983; Nơi ĐKKHKT: phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh. – Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/7/2018) - (Có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Ch, sinh năm 1969; Chị Trần Thị Th, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện B, tỉnh Tây Ninh. – (Anh Ch có mặt; Chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người kháng cáo: Anh Trần Văn Ch, chị Trần Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị L và người đại diện theo ủy quyền anh Nguyễn Văn N trình bày:

Vợ chồng anh Ch chị Th có vay tiền của bà L 04 lần, cụ thể: Ngày 08-3-2017 vay 30.000.000 đồng; Ngày 06-4-2017 vay 60.000.000 đồng; Ngày 11-5-2017, vay 60.000.000 đồng; Ngày 19-6-2017 vay 60.000.000 đồng. Mỗi lần vay, anh Ch hoặc chị Th đều ký tên hoặc lặn tay vào giấy nợ. Thỏa thuận thời hạn vay 01 tháng; không thỏa thuận về tiền lãi, chỉ nói với nhau khi nào trả tiền vốn sẽ trả tiền lãi. Anh Ch, chị Th đã trả nhiều lần tổng cộng 120.000.000 đồng nên bà L đã gạch bỏ 02 giấy nợ ngày 06-4-2017 và ngày 11-5-2017. Còn khoản vay ngày 08-3-2017 và ngày 19-6-2017 chưa trả.

Ngoài ra, anh Ch, chị Th tham gia 01 phần dây hụi 5.000.000 đồng/tháng gồm 17 phần mở ngày 06-4-2017 âm lịch (ngày 01-5-2017 dương lịch), do bà L làm chủ thảo. Kỳ thứ ba ngày 06-6-2017 (âm lịch), chị Th hốt hụi và phải góp lại 14 kỳ hụi mỗi kỳ 5.000.000 đồng, tổng cộng 70.000.000 đồng. Bà L ghi giấy nợ, bà Thúy ký tên và lặn tay. Sau khi hốt hụi, anh Ch chị Th không góp hụi cho bà; bà phải góp thay cho anh Ch chị Th 14 kỳ, mỗi kỳ 5.000.000 đồng. Ngày 07-5-2018 và ngày 23-5-2018, anh Ch chị Th trả cho bà được 5.000.000 đồng tiền hụi, còn nợ lại 65.000.000 đồng.

Bà L khởi kiện yêu cầu anh Ch, chị Th trả 30.000.000 đồng vay ngày 08-3-2017; 60.000.000 đồng vay ngày 19-6-2017 và 65.000.000 đồng tiền hụi; yêu cầu tính tiền lãi của các khoản nợ vay tính từ tháng tiếp theo của ngày vay theo lãi suất theo quy định của pháp luật; không yêu cầu tính lãi tiền hụi.

Bị đơn anh Trần Văn Ch, chị Trần Thị Th trình bày:

Về tiền vay: Anh chị thừa nhận có vay của của bà Nguyễn Thị L 04 lần vay tổng cộng 210.000.000 đồng, mục đích vay, thời gian vay tiền như bà L trình bày. Nhưng anh chị đã trả tất cả các khoản tiền, nhưng do tin tưởng nên khi trả tiền, vợ chồng anh chị không lấy lại giấy nợ gốc. Khi vay tiền, khoản tiền ghi trong giấy nợ đã bao gồm tiền gốc và lãi, cụ thể: vay 30.000.000 đồng thì tiền lãi là 6.000.000 đồng, tiền gốc là 24.000.000 đồng; vay 60.000.000 đồng thì tiền lãi là 10.000.000 đồng, tiền gốc là 50.000.000 đồng. Do đã trả xong các khoản tiền nên anh chị không đồng ý theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị L.

Về tiền hụi: Vợ chồng anh chị chỉ tham gia 02 phần của dây hụi 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 26-3-2017 (AL) hụi. Đến kỳ thứ ba, không nhớ ngày, anh chị đã hốt hụi và đã góp tiếp được 05 kỳ hụi chết. Còn 01 phần hụi sống, anh chị đã góp được 08 kỳ. Do có khó khăn về kinh tế nên ngưng góp hụi khoảng 01 năm. Trong năm 2018, anh chị đã trả được 5.000.000 đồng đúng như bà L trình bày. Anh chị không tham gia dây hụi 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 06-4-2017 âm lịch (ngày 01-5-2017 dương lịch) như bà L trình bày. Các giấy tờ về việc góp hụi đều giao cho bà L để tính toán khấu trừ. Ông không đồng ý trả 65.000.000 đồng tiền hụi theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị L.

Tại bản án sơ thẩm số 54/2018/DS -ST ngày 27-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ vào các Điều 466, 468 và 471 Bộ luật Dân sự; khoản 1; 3 Điều 228; khoản 2 Điều 227; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Buộc anh Trần Văn Ch và chị Trần Thị Th có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L 90.000.000 đồng tiền gốc; 12.975.000 đồng tiền lãi; 65.000.000 đồng tiền hui; bà L không yêu cầu tiền lãi hui, tổng cộng 167.975.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo.

*** Nội dung kháng cáo:** Theo đơn kháng cáo đề ngày 04-12-2018 của anh Trần Văn Ch và chị Trần Thị Th, anh chị cho rằng, khoản tiền 20.000.000 đồng đã trả cho bà L nhận không ghi ngày tháng năm mà anh chị đã trả sau khi vay khoản vay ngày 06-4-2017; Đối với tiền hui: khi hốt lập giấy nhận nợ số tiền 70.000.000 đồng, sau đó anh chị đã góp được 05 ký số tiền 25.000.000 đồng nên chỉ còn nợ bà L 45.000.000 đồng. Do đó đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án, khấu trừ số tiền anh chị đã trả.

Ý kiến Kiểm sát viên:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Điều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- *Về nội dung:* Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 54/2018/DS -ST ngày 27-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Nguyễn Văn N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bị đơn chị Trần Thị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của anh Ch, chị Th thấy rằng:

Đối với tiền vay: chị Th và anh Ch thừa nhận có vay của bà L 04 lần với thời gian, số tiền từng lần vay như bà L trình bày là đúng. Anh chị cho rằng khoảng thời

gian vay ngày 08-3-2017 đến sau ngày 06-4-2017 anh chị đã trả cho bà L 20.000.000 đồng, khoản tiền trả này bà L nhận nhưng không ghi thời gian nhận. Đối chiếu các tài liệu anh Ch chị Th cung cấp, anh chị đã trả cho bà L 05 lần tổng cộng 100.000.000 đồng, trong đó bao gồm khoản tiền 20.000.000 đồng bà L nhận không ghi thời gian. Bà L xác nhận có nhận khoản tiền này của anh Ch chị Th và khoản tiền này trong khoản tiền 120.000.000 đồng anh Ch chị Th đã trả cho bà. Anh Ch chị Th không chứng minh được khoản tiền 20.000.000 đồng này khác khoản tiền 120.000.000 đồng bà L đã nhận. Do đó, không có cơ sở để khấu trừ như yêu cầu kháng cáo của anh chị.

Đối với tiền hui: Các bên thống nhất, khi hót hui, anh Ch chị Th viết giấy nợ bà L số tiền hui là 70.000.000 đồng. Anh Ch chị Th trình bày, sau khi hót đã góp cho bà L 05 kỳ hui với số tiền 25.000.000 đồng, chỉ còn nợ bà L 45.000.000 đồng. Nhưng bà L chỉ thừa nhận anh Ch chị Th chỉ góp cho bà 5.000.000 đồng; anh Ch chị Th không cung cấp chứng cứ chứng minh.

Anh Ch chị Th kháng cáo nhưng không xuất trình chứng cứ gì mới chứng minh cho kháng cáo của mình nên kháng cáo của anh Ch chị Th không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Anh Ch chị Th phải chịu tiền án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn Ch và chị Trần Thị Th; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 54/2018/DS -ST ngày 27-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 466, 468 và 471 Bộ luật Dân sự; khoản 1; 3 Điều 228; khoản 2 Điều 227; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016. Tuyên xử:

Buộc anh Trần Văn Ch và chị Trần Thị Th có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L 90.000.000 đồng tiền gốc; 12.975.000 đồng tiền lãi; 65.000.000 đồng tiền hui. Tổng cộng 167.975.000 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi tiền hui.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Văn Ch và chị Trần Thị Th phải chịu 8.399.000 đồng (Tám triệu ba trăm chín mươi chín ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) theo biên lai thu số 0005474 ngày 23-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Văn Ch chị Trần Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án anh Ch chị Th đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005791 ngày 07-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận anh Ch chị Th đã nộp xong khoản tiền này.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND H.;
- Chi cục H.;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thị An Tiên

